

Số: 39 /2024/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 7 năm 2024

## NGHỊ QUYẾT

Quy định định mức lập dự toán và mức chi kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH KHOÁ XIV, KỲ HỌP THỨ 19

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 1616/TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Báo cáo thẩm tra số 65/BC-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận, thống nhất, biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

#### 1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định định mức lập dự toán và mức chi kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

b) Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia có sử dụng nguồn kinh phí đối ứng từ ngân sách tỉnh Quảng Ninh được thực hiện theo định mức

tương ứng tại Nghị quyết này.

c) Đối với các nguồn vốn khác ngoài ngân sách nhà nước huy động để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh được thực hiện theo các định mức chi quy định hiện hành đối với các nguồn vốn đó, khuyến khích các đơn vị thực hiện theo Nghị quyết này.

## 2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

b) Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

## Điều 2. Định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ

*ĐVT: đồng/người/tháng*

TT	Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp cơ sở
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	40.000.000	32.000.000
2	Thư ký khoa học	12.000.000	9.600.000
3	Thành viên chính	32.000.000	25.600.000
4	Thành viên	16.000.000	12.800.000
5	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	8.000.000	6.400.000

2. Dự toán chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp cơ sở
1	Người chủ trì	Đồng/người/buổi	2.000.000	1.600.000
2	Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Đồng/người/buổi	500.000	400.000
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Đồng/báo cáo	3.000.000	2.400.000
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo	Đồng/báo cáo	1.500.000	1.200.000
5	Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Đồng/người/buổi	300.000	250.000

3. Dự toán chi hợp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp cơ sở
1	Chi hợp Hội đồng			
-	Chủ tịch hội đồng	Đồng/người /nhiệm vụ	900.000	700.000
-	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		750.000	600.000
-	Thư ký khoa học		150.000	100.000
-	Thư ký hành chính		150.000	100.000
-	Đại biểu được mời tham dự		100.000	100.000
2	Chi nhận xét đánh giá			
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	Đồng/phiếu nhận xét /nhiệm vụ	350.000	300.000
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		500.000	400.000

4. Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 300 triệu đồng/nhiệm vụ đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và không quá 240 triệu đồng/nhiệm vụ đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

**Điều 3. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Định mức chi tiền thù lao của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

a) Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp cơ sở
1	Chi hợp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
-	Chủ tịch hội đồng	Đồng/người /hội đồng	1.500.000	1.200.000
-	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		1.000.000	800.000
-	Thư ký khoa học		300.000	250.000
-	Thư ký hành chính		300.000	250.000
-	Đại biểu được mời tham dự		200.000	150.000
2	Chi nhận xét đánh giá			
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	Đồng/phiếu nhận xét	500.000	400.000

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp cơ sở
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		700.000	550.000
3	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện			
-	Chủ tịch hội đồng	Đồng/người/nhiệm vụ	700.000	550.000
-	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		500.000	400.000

b) Chi tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp cơ sở
1	Chi hợp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
-	Chủ tịch Hội đồng	Đồng/người /hội đồng	1.800.000	1.450.000
-	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		1.500.000	1.200.000
-	Thư ký khoa học		300.000	250.000
-	Thư ký hành chính		300.000	250.000
-	Đại biểu được mời tham dự		200.000	150.000
2	Chi nhận xét đánh giá			
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	Đồng/phiếu nhận xét	700.000	550.000
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		1.000.000	800.000

c) Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp cơ sở
1	Chi hợp Hội đồng nghiệm thu			
-	Chủ tịch hội đồng	Đồng/người/nhiệm vụ	1.800.000	1.450.000
-	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		1.500.000	1.200.000
-	Thư ký khoa học		300.000	250.000
-	Thư ký hành chính		300.000	250.000
-	Đại biểu được mời tham dự		200.000	150.000
2	Chi nhận xét đánh giá			

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp cơ sở
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	Đồng/phiếu nhận xét	700.000	550.000
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		1.000.000	800.000

d) Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng: 1.500.000 đồng/người đối với cấp tỉnh; 1.200.000 đồng/người đối với cấp cơ sở.

e) Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác được thành lập theo quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh (nếu có) được áp dụng bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

2. Định mức chi tiền thù lao của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

*ĐVT: Đồng/người/nhiệm vụ*

TT	Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp cơ sở
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	1.000.000	800.000
2	Thành viên tổ thẩm định	700.000	550.000
3	Thư ký hành chính	300.000	250.000
4	Đại biểu được mời tham dự	200.000	150.000

3. Định mức chi tiền thù lao cho Hội đồng đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp cơ sở
1	Chi họp Hội đồng			
-	Chủ tịch hội đồng	Đồng/người/nhiệm vụ	900.000	700.000
-	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		750.000	600.000
-	Thư ký khoa học		150.000	100.000
-	Thư ký hành chính		150.000	100.000
-	Đại biểu được mời tham dự		100.000	100.000
2	Chi nhận xét đánh giá			
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	Đồng/phiếu nhận xét/nhiệm vụ	350.000	300.000
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		500.000	400.000

4. Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học và công nghệ (nếu có) thực hiện theo quy định đối với dự



toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này.

#### **Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp và tổ chức thực hiện**

1. Các nội dung khác làm căn cứ để xây dựng định mức lập dự toán và mức chi kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh không quy định cụ thể tại Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành của nhà nước.


2. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì được thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.


#### **Điều 5. Hội đồng nhân dân tỉnh giao**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết, bảo đảm chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Thường trực, các ban, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIV, Kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2024. / 

Nơi nhận: 

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu của UBND tỉnh;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KTVB QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ KH&CN;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội của tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- UB MTTQ và các đoàn thể của tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- VP Đoàn ĐBQH, HĐND và VP UBND tỉnh;
- Trung tâm truyền thông tỉnh; Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, HĐĐ. 

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Xuân Kỳ**